

Số: 85/2026/QĐ-UBND

An Giang, ngày 20 tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định nội dung chi và mức chi của Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh An Giang

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15
được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai số 33/2013/QH1 được sửa đổi, bổ
sung bởi Luật số 60/2020/QH14;*

*Căn cứ Nghị định số 66/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi
hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Sửa đổi, bổ sung một
số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều được sửa đổi, bổ sung
bởi Nghị định số 53/2026/NĐ-CP;*

*Căn cứ Nghị định số 20/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định chính sách
trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị
định số 76/2024/NĐ-CP ;*

*Căn cứ Nghị định số 78/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định về thành
lập và quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị
định số 63/2025/NĐ-CP ;*

*Căn cứ Nghị định số 09/2025/NĐ-CP của Chính phủ Quy định về chính
sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do
thiên tai, dịch hại thực vật;*

*Căn cứ Quyết định số 20/2021/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về ban
hành Danh mục và quy định việc quản lý, sử dụng vật tư, phương tiện, trang
thiết bị chuyên dùng phòng, chống thiên tai;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số
1030/TTr-SNNMT ngày 17 tháng 7 năm 2026;*

*Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy định nội dung chi
và mức chi của Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh An Giang.*

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định nội dung chi và
mức chi của Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh An Giang.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 9 năm 2026 và
thay thế Quyết định số 47/2025/QĐ-UBND ngày 28 tháng 5 năm 2025 của Ủy

ban nhân dân tỉnh An Giang ban hành Quy định nội dung chi và mức chi của Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh An Giang.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính, Nội vụ, Thuế tỉnh An Giang, Kho bạc Nhà nước khu vực XX, Bảo hiểm xã hội tỉnh An Giang, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài đóng trên địa bàn tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Báo và phát thanh, truyền hình An Giang;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Cổng Thông tin Điện tử tỉnh;
- LĐVP, Phòng KT;
- Lưu: VT, nvphuong.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Ngô Công Thức

QUY ĐỊNH

Nội dung chi và mức chi của Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh An Giang

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND ngày tháng năm 2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định chi tiết nội dung chi và mức chi của Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh An Giang (sau đây gọi tắt là Quỹ).

2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng với cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam; tổ chức, cá nhân nước ngoài đang sinh sống, hoạt động hoặc tham gia công tác phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 2. Nguyên tắc áp dụng

1. Trường hợp cùng nội dung có nhiều cơ chế, chính sách hỗ trợ thì áp dụng cơ chế, chính sách hỗ trợ phù hợp, có lợi nhất.

2. Đối với những nội dung chi trong Quy định này có mức chi được viện dẫn áp dụng theo các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành: khi các văn bản này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

Chương II NỘI DUNG CHI VÀ MỨC CHI

Điều 3. Nội dung chi và mức chi cho chi phí quản lý, điều hành hoạt động của Quỹ

Mức chi cho quản lý, điều hành hoạt động của Quỹ không vượt quá 3% tổng số thu Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh trong năm, được sử dụng để chi cho các nội dung sau:

1. Chi hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức làm nhiệm vụ kiêm nhiệm của Cơ quan quản lý Quỹ như sau:

a) Chi làm thêm giờ: mức chi theo quy định tại Nghị định số 145/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số

điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

b) Chi phụ cấp trách nhiệm quản lý; chi tiền lương và các khoản trích theo lương cho lao động hợp đồng thực hiện một số công việc phục vụ hoạt động của Quỹ theo quy định hiện hành.

2. Chi sửa chữa, bảo dưỡng tài sản; chi thuê, mua công cụ, dụng cụ lao động, tài sản, thiết bị, vật tư, văn phòng phẩm phục vụ hoạt động của Quỹ; dịch vụ mua ngoài (tiền nhiên liệu, tiền điện, nước, điện thoại, bưu chính viễn thông, internet; kiểm toán; dịch vụ pháp lý; chi trả tiền sử dụng các tài liệu kỹ thuật, các dịch vụ kỹ thuật) và các chi phí khác phục vụ hoạt động của Quỹ: mức chi theo hóa đơn, chứng từ chi thực tế hợp pháp trong phạm vi dự toán được Giám đốc Quỹ phê duyệt.

3. Chi hội nghị, tập huấn, họp khác liên quan đến hoạt động của Quỹ; công tác phí cho thành viên Quỹ và những người có liên quan khi đi công tác thực hiện nhiệm vụ của Quỹ: mức chi theo quy định tại Nghị quyết số 05/2025/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 4. Nội dung chi và mức chi hỗ trợ các hoạt động phòng ngừa thiên tai

1. Chi hoạt động thông tin, truyền thông, giáo dục, phổ biến, tuyên truyền, tổ chức tập huấn, nâng cao nhận thức cho các lực lượng tham gia công tác phòng, chống thiên tai các cấp ở địa phương và cộng đồng về phòng, chống thiên tai: mức chi theo quy định tại Nghị quyết số 05/2025/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị trên địa bàn tỉnh An Giang; Nghị quyết số 30/2026/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang quy định mức chi bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh An Giang và Thông tư số 01/2026/TT-BVHTTDL của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quy định về định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sản xuất chương trình phát thanh, chương trình truyền hình, các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan và theo dự toán được cấp thẩm quyền phê duyệt.

2. Chi lập, rà soát kế hoạch phòng, chống thiên tai và phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai: mức chi căn cứ dự toán theo tiêu chuẩn, định mức được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và khả năng cân đối của Quỹ, nhưng không quá 1.500.000.000 đồng đối với kế hoạch, phương án cấp tỉnh và không quá 500.000.000 đồng đối với kế hoạch, phương án cấp xã.

3. Chi sắp xếp, di chuyển dân cư ra khỏi vùng thiên tai, nguy hiểm: Mức hỗ trợ 30.000.000 đồng/hộ đối với hộ phải di dời nhà ở theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền do nguy cơ sạt lở, lũ, lụt, thiên tai.

4. Chi diễn tập phòng, chống thiên tai ở các cấp: Mức chi căn cứ dự toán theo tiêu chuẩn, định mức được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và khả năng cân đối của Quỹ, nhưng không quá 1.000.000.000 đồng/đợt diễn tập/năm đối với

diễn tập phòng, chống thiên tai cấp tỉnh, không quá 300.000.000 đồng/đợt diễn tập/năm đối với diễn tập phòng, chống thiên tai cấp xã.

5. Chi mua bảo hiểm rủi ro thiên tai cho đối tượng tham gia lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã: Mức chi căn cứ dự toán, đơn giá, tiêu chuẩn, định mức được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và khả năng cân đối của Quỹ.

6. Chi tập huấn và duy trì hoạt động cho các đối tượng tham gia hộ đê, lực lượng quản lý đê nhân dân, lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã, tình nguyện viên phòng, chống thiên tai:

Đối với người không hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong thời gian được huy động làm nhiệm vụ phòng chống thiên tai, tham gia tập huấn, huấn luyện, diễn tập được hưởng trợ cấp ngày công lao động, như sau:

a) Người được huy động tập huấn, huấn luyện, diễn tập và làm nhiệm vụ phòng chống thiên tai: được hưởng trợ cấp ngày công lao động bằng 327.600 đồng/người/ngày.

b) Trường hợp, người được huy động huấn luyện, diễn tập và làm nhiệm vụ phòng chống thiên tai vào ban đêm (từ 22 giờ ngày hôm trước đến 06 giờ ngày hôm sau): được tính trợ cấp tăng thêm là 163.800 đồng/người/ngày.

c) Khi tập huấn, huấn luyện, diễn tập và làm nhiệm vụ phòng chống thiên tai cách xa nơi cư trú, không có điều kiện đi, về hàng ngày thì được bố trí chỗ nghỉ, hỗ trợ phương tiện, đi lại hoặc thanh toán tiền tàu xe một lần đi và về như cán bộ, công chức cấp xã; và được hỗ trợ tiền ăn: mức hỗ trợ tiền ăn 150.000 đồng/người/ngày.

7. Chi xây dựng công cụ, phần mềm, quan trắc, thông tin, dự báo, cảnh báo thiên tai tại cộng đồng: Mức chi căn cứ dự toán, đơn giá, tiêu chuẩn, định mức được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và khả năng cân đối của Quỹ.

8. Chi mua sắm, đầu tư phương tiện, trang thiết bị phục vụ công tác phòng, chống thiên tai: danh mục phương tiện, trang thiết bị theo Quyết định số 20/2021/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về ban hành danh mục và quy định việc quản lý, sử dụng vật tư, phương tiện, trang thiết bị chuyên dùng phòng, chống thiên tai, chủng loại, dự toán được cấp thẩm quyền phê duyệt và khả năng cân đối của Quỹ.

Điều 5. Nội dung chi và mức chi hỗ trợ các hoạt động ứng phó thiên tai

1. Sơ tán dân khỏi nơi nguy hiểm: mức chi theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt và khả năng cân đối của Quỹ.

2. Chăm sóc y tế, thực phẩm, nước uống cho người dân nơi sơ tán: mức chi 150.000 đồng/người/ngày căn cứ theo số ngày thực tế được sơ tán và danh sách sơ tán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Tuần tra, kiểm tra phát hiện khu vực có nguy cơ xảy ra rủi ro thiên tai, sự cố công trình phòng, chống thiên tai; hỗ trợ cho lực lượng thường trực trực ban, chỉ huy, chỉ đạo ứng phó thiên tai: mức chi (tiền lương làm thêm giờ, làm

việc vào ban đêm, trực ban) theo quy định tại Điều 98, Điều 106, Điều 108 Bộ Luật Lao động và Điều 55, Điều 57 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ Luật Lao động số 45/2019/QH14 về điều kiện lao động và quan hệ lao động.

Điều 6. Nội dung chi và mức chi hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai

1. Cứu trợ khẩn cấp về lương thực, nước uống, thuốc chữa bệnh, sách vở, phương tiện học tập và các nhu cầu cấp thiết khác cho đối tượng bị thiệt hại do thiên tai:

a) Hỗ trợ 15kg gạo/người/tháng trong thời gian không quá 03 tháng cho mỗi đợt trợ giúp đối với các thành viên hộ gia đình thiếu đói trong và sau thiên tai.

b) Cứu trợ khẩn cấp về nước uống, thuốc chữa bệnh và các nhu cầu cấp thiết khác cho đối tượng thiệt hại do thiên tai: mức chi 150.000 đồng/người/đợt thiên tai, có hóa đơn, chứng từ theo đúng quy định.

c) Cứu trợ khẩn cấp về sách vở, phương tiện học tập: mức chi 150.000 đồng/người/đợt thiên tai, có hóa đơn, chứng từ theo đúng quy định.

2. Hỗ trợ tu sửa nhà ở

a) Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn có nhà ở bị đổ, sập, trôi, cháy do thiên tai mà không còn nơi ở, thì được hỗ trợ chi phí để xây dựng nhà ở với mức hỗ trợ là 40.000.000 đồng/hộ.

b) Hộ không phải là hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn có nhà ở bị đổ, sập, trôi, cháy do thiên tai mà không còn nơi ở, thì được hỗ trợ chi phí để xây dựng nhà ở với mức hỗ trợ là 30.000.000 đồng/hộ.

c) Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn có nhà ở bị hư hỏng do thiên tai, thì được hỗ trợ để khắc phục, sửa chữa lại nhà ở: nhà ở có mức thiệt hại trên 70%, mức hỗ trợ 20.000.000 đồng/hộ; có mức thiệt hại từ 50% - 70%, mức hỗ trợ 15.000.000 đồng/hộ; có mức thiệt hại từ 30% đến dưới 50%, mức hỗ trợ 10.000.000 đồng/hộ. Tỷ lệ % (phần trăm) mức độ thiệt hại của căn nhà được tính trên tổng giá trị căn nhà do UBND cấp xã xác định.

d) Hộ không phải là hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn có nhà ở bị hư hỏng do thiên tai, thì được hỗ trợ để khắc phục, sửa chữa lại nhà ở: nhà ở có mức thiệt hại trên 70%, mức hỗ trợ 15.000.000 đồng/hộ; có mức thiệt hại từ 50% - 70%, mức hỗ trợ 10.000.000 đồng/hộ; có mức thiệt hại từ 30% đến dưới 50%, mức hỗ trợ 5.000.000 đồng/hộ. Tỷ lệ % (phần trăm) mức độ thiệt hại của căn nhà được tính trên tổng giá trị căn nhà do UBND cấp xã xác định.

3. Hỗ trợ tu sửa cơ sở y tế, trường học, xử lý vệ sinh môi trường vùng thiên tai, tu sửa nhà kết hợp làm địa điểm sơ tán phòng tránh thiên tai: mức chi tối đa 50.000.000 đồng/một công trình/đợt thiên tai theo dự toán, đơn giá, tiêu chuẩn, định mức được cấp có thẩm quyền phê duyệt và khả năng cân đối của Quỹ.

4. Hỗ trợ hộ dân có diện tích sản xuất nông nghiệp bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh: các nội dung chi, quy trình và mức hỗ trợ theo quy định tại Điều 3 Nghị quyết số 17/2025/NQ-HĐND của Hội đồng Nhân dân tỉnh An Giang quy định chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật trên địa bàn tỉnh An Giang.

5. Hỗ trợ tháo bỏ hạng mục, vật cản gây nguy cơ rủi ro thiên tai: mức chi tối đa 50.000.000 đồng/một công trình/đợt thiên tai theo dự toán, đơn giá, tiêu chuẩn, định mức được cấp có thẩm quyền phê duyệt và khả năng cân đối của Quỹ.

6. Hỗ trợ xử lý đảm bảo giao thông thông suốt cho những đoạn tuyến giao thông đường bộ quan trọng trên địa bàn bị sạt trượt, sạt lở: mức chi căn cứ theo dự toán, đơn giá, tiêu chuẩn, định mức được cấp có thẩm quyền phê duyệt và khả năng cân đối của Quỹ.

7. Hỗ trợ kinh phí tu sửa, xử lý và xây dựng khẩn cấp công trình phòng, chống thiên tai: mức hỗ trợ tối đa 03 tỷ đồng trong tổng mức đầu tư 01 công trình do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 7. Phân bổ nguồn thu Quỹ phòng, chống thiên tai cho Ủy ban nhân dân cấp xã

Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phân bổ cho Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 53/2026/NĐ-CP.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Phân công trách nhiệm

1. Các sở, ngành, địa phương, đơn vị được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cấp kinh phí từ Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh phải thực hiện đầy đủ các nội dung, hạng mục đúng tiến độ và quyết toán kịp thời theo quy định; chịu trách nhiệm về việc đảm bảo an toàn công trình phòng, chống thiên tai và các hạng mục, công việc liên quan đến công tác phòng, chống thiên tai do sự chậm trễ tiến độ và quyết toán; thời hạn quyết toán Quỹ thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường (Cơ quan quản lý Quỹ)

a) Chịu trách nhiệm tổng hợp thiệt hại và nhu cầu hỗ trợ của Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, tổ chức liên quan, kiểm tra, rà soát và đề xuất trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

b) Hướng dẫn, tổ chức thực hiện quản lý thu, nộp, sử dụng Quỹ hiệu quả; thực hiện chế độ quản lý và sử dụng nguồn tài chính Quỹ; xây dựng kế hoạch thu, chi Quỹ hằng năm trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

c) Kiểm tra, giám sát tình hình tài chính, thu, chi và quản lý sử dụng Quỹ tại các địa phương.

d) Chịu trách nhiệm báo cáo Sở Tài chính tình hình thực hiện kế hoạch tài chính, kế hoạch tài chính năm sau và quyết toán thu, chi Quỹ để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để báo cáo Hội đồng nhân dân cấp tỉnh cùng với báo cáo dự toán và quyết toán ngân sách địa phương.

e) Chịu trách nhiệm công khai kết quả thu, danh sách và mức thu đối với từng cơ quan, tổ chức, đơn vị và từng xã; báo cáo quyết toán thu, chi; nội dung chi theo địa bàn cấp xã bằng các hình thức: gửi cơ quan quản lý Quỹ Trung ương; niêm yết tại trụ sở Quỹ cấp tỉnh; thông báo bằng văn bản tới cơ quan, tổ chức đóng góp quỹ; công khai trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan quản lý Quỹ cấp tỉnh hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Sở Tài chính phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn Quỹ thực hiện chế độ quản lý và sử dụng nguồn tài chính Quỹ; tổng hợp tình hình thực hiện kế hoạch tài chính, kế hoạch tài chính năm sau và quyết toán thu, chi quỹ và báo cáo Ủy ban nhân dân để báo cáo Hội đồng nhân dân cấp tỉnh cùng với báo cáo dự toán và quyết toán ngân sách địa phương; phối hợp kiểm tra tình hình quản lý và sử dụng của Quỹ; phối hợp cung cấp danh sách các tổ chức kinh tế trong nước và ngoài nước đã đăng ký và đang hoạt động trên địa bàn tỉnh cho Quỹ khi có yêu cầu để làm cơ sở cho việc xây dựng kế hoạch và thực hiện thu nộp Quỹ.

4. Thuế tỉnh An Giang có trách nhiệm phối hợp và chỉ đạo Thuế cơ sở trong việc hỗ trợ thu Quỹ, xây dựng kế hoạch thu Quỹ và cung cấp thông tin tổng giá trị tài sản hiện có theo báo cáo tài chính lập ngày 31 tháng 12 hàng năm của các tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài trên địa bàn; thông tin tại điểm i, điểm k khoản 1 và khoản 2 Điều 13 của Nghị định số 78/2021/NĐ-CP cho Cơ quan quản lý Quỹ, Ủy ban nhân dân cấp xã trước ngày 15 tháng 3 của năm kế hoạch để làm cơ sở cho việc xây dựng kế hoạch thu Quỹ.

5. Bảo hiểm xã hội tỉnh An Giang có trách nhiệm phối hợp và chỉ đạo Bảo hiểm xã hội cơ sở trên địa bàn cung cấp thông tin về số lượng công chức, viên chức, người hưởng lương, phụ cấp, người lao động làm việc trong các cơ quan, tổ chức và người lao động làm việc theo hợp đồng lao động của các tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài trên địa bàn tỉnh tại xã, phường, đặc khu đang tham gia bảo hiểm xã hội cho cơ quan quản lý Quỹ cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân xã để làm cơ sở cho việc xây dựng kế hoạch thu Quỹ.

6. Kho bạc Nhà nước khu vực XX có trách nhiệm tiếp nhận, đối chiếu nguồn đóng góp Quỹ từ các địa phương, đơn vị chuyển về tài khoản mở tại Kho bạc Nhà nước khu vực XX và cấp phát khi có đề nghị của Cơ quan quản lý Quỹ, xác nhận số dư Quỹ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính theo định kỳ.

7. Thủ trưởng các sở, ban, ngành và các cơ quan, tổ chức trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm tổ chức thu, nộp Quỹ theo quy định tại Quy định này.

8. Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Căn cứ đối tượng, mức đóng góp thuộc phạm vi quản lý, các đối tượng miễn, giảm, tạm hoãn theo quy định của Nghị định số 78/2021/NĐ-CP để xây

dựng kế hoạch thu, chi của cấp xã hằng năm của phần kinh phí được UBND tỉnh phân bổ tại Điều 6 của Quy định này.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thu của các đối tượng lao động khác trên địa bàn theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 12 của Nghị định số 78/2021/NĐ-CP và chuyển vào tài khoản ở cấp xã do Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền.

c) Công khai kết quả thu nộp, danh sách người lao động, tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài đã đóng Quỹ trên địa bàn; tổng kinh phí được cấp cho công tác phòng, chống thiên tai và nội dung chi bằng các hình thức: báo cáo giải trình công khai tại cuộc họp tổng kết hàng năm, niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp xã và trên các phương tiện truyền thông tại xã.

9. Ủy ban nhân dân cấp xã và cơ quan, đơn vị sử dụng Quỹ báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch tài chính, kế hoạch tài chính năm sau và quyết toán thu, chi gửi Cơ quan quản lý Quỹ trước ngày 31 tháng 5 hằng năm để tổng hợp gửi Sở Tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để báo cáo Hội đồng nhân dân cấp tỉnh cùng với báo cáo dự toán và quyết toán ngân sách địa phương.

Điều 9. Điều khoản thi hành

Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, bất cập, các sở, ban, ngành, địa phương; các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời bằng văn bản gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp tình hình thực tế./.